

Điều 124. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.

Chủ tịch Quốc hội

NÔNG ĐỨC MẠNH

LUẬT Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

(số 14/1999/QH10 ngày 12/6/1999).

Để nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước, góp phần thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đại đoàn kết toàn dân - một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam;

Kế thừa vai trò lịch sử của Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức

xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Điều 2. Nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân; tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước; tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia phát triển tình hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phù hợp với Hiến pháp và pháp luật.

Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện,

hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương cử ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 4. Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là các tổ chức và cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật này.

Khi phối hợp và thống nhất hành động, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời các tổ chức thành viên của Mặt trận vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

Điều 5. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước

1. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. Quan hệ phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước được thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước hữu quan ở từng cấp ban hành.

3. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động có hiệu quả.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Điều 6. Tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát triển đa dạng các hình thức hoạt động, các phong trào yêu nước để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài, không phân biệt thành phần giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, quá khứ nhằm động viên mọi nguồn lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy tính tích cực của các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo để vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Nhà nước.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia tuyên truyền, vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài đoàn kết cộng đồng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Điều 7. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thi hành chính sách, pháp luật

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thi hành chính sách, pháp luật với các nội dung sau đây:

1. Tham gia tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

2. Phối hợp, tham gia với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, vận động nhân dân đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội;

3. Tham gia với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, hướng dẫn nhân dân

xây dựng hương ước, quy ước về nếp sống tự quản ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, cộng đồng dân cư khác ở cơ sở phù hợp với pháp luật, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân;

4. Tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải;

5. Tổng hợp, nghiên cứu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước.

Điều 8. Tham gia công tác bầu cử

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, theo quy định của pháp luật về bầu cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương, lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử; phối hợp với cơ quan nhà nước hữu quan tổ chức Hội nghị cử tri ở nơi cư trú, các cuộc tiếp xúc giữa cử tri với những người ứng cử; tham gia tuyên truyền, vận động cử tri thực hiện pháp luật về bầu cử; tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Tham gia xây dựng pháp luật

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng pháp luật với các nội dung sau đây:

1. Kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

2. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án luật, pháp lệnh;

3. Cùng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nghị quyết, thông tư liên tịch để hướng dẫn thi hành những vấn đề khi pháp luật quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;

4. Tham gia góp ý kiến vào các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, nghị định và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 10. Tham gia tố tụng, tuyển chọn Thẩm phán, giới thiệu Hội thẩm Tòa án nhân dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền và trách nhiệm tham gia tố tụng, tham gia Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán, giới thiệu người đủ tiêu chuẩn để bầu, cử làm Hội thẩm Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được mời tham dự phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ khi bàn các vấn đề có liên quan.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân; được mời tham dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân cùng cấp khi bàn các vấn đề có liên quan.

2. Tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền; đề xuất kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân những vấn đề cần thiết.

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, trả lời kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hoạt động giám sát

1. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính nhân dân, hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước, nhằm góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

- a) Động viên nhân dân thực hiện quyền giám sát;
- b) Tham gia hoạt động giám sát với cơ quan quyền lực nhà nước;
- c) Thông qua hoạt động của mình, tổng hợp ý kiến của nhân dân và các thành viên của Mặt trận kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt, xem xét, giải quyết, xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát. Khi nhận được kiến nghị của Mặt trận thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xem xét, trả lời trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hoạt động đối ngoại nhân dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện và mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân trong khu vực và trên thế giới theo đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Chương III

NHỮNG BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Điều 14. Bộ máy giúp việc

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có bộ máy giúp việc. Tổ chức, biên chế bộ máy giúp việc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất của cán bộ Mặt trận.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm:

- a) Tạo điều kiện để cán bộ, công chức làm nhiệm vụ khi họ được cử vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc được phân công, phối hợp công tác với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- b) Cung cấp thông tin cần thiết khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có yêu cầu để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề xướng hoặc thực hiện các chương trình, dự án mà Mặt trận được giao.

Điều 16. Kinh phí hoạt động, tài sản của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được nhận, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật tài sản mà Nhà nước giao cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tài sản do các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài tặng cho.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực của Luật

Luật này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Những quy định liên quan đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 18. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.

Chủ tịch Quốc hội

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 41/1999/ND-CP ngày 25/6/1999 về việc thành lập phường Phú Khương thuộc thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập phường Phú Khương thuộc thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Phú Khương.

Phường Phú Khương có 597 ha diện tích tự nhiên và 15.414 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường Phú Khương: Đông giáp phường 8; Tây giáp xã Sơn Đông; Nam giáp phường 4 và phường 6; Bắc giáp xã Phú Hưng và huyện Châu Thành.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 42/1999/ND-CP ngày 25/6/1999 về việc thành lập xã thuộc các huyện Đầm Dơi, Trần Văn Thời, Cái Nước và Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập xã thuộc các huyện Đầm Dơi, Trần Văn Thời, Cái Nước và Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau như sau: